

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/10/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu- Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Lê Thị Hồng Nh - sinh ngày: 15/11/1997.

Hộ khẩu thường trú: thôn TS3, xã TD, huyện LG, tỉnh BG. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

***Bị đơn:** Nguyễn Kim M - sinh ngày: 07/02/1993.

Hộ khẩu thường trú: thôn TS3, xã TD, huyện LG, tỉnh BG.

Hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

(Vắng mặt không có lý do).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Trọng H - sinh ngày: 21/07/1965.

2. Bà Hoàng Thị T - sinh ngày: 25/08/1966.

Hộ khẩu thường trú: thôn TS3, xã TD, huyện LG, tỉnh BG. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng Nh trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Kim M đã kết hôn từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện LG, tỉnh BG theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01/2015 ngày 27/11/2015.

Chị và anh M chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì anh M do làm ăn chưa có kinh nghiệm nên không có hiệu quả nên đã đi nước ngoài. Do vội vã trong việc hôn nhân nên trong cuộc sống gặp quá nhiều trắc trở và đến ngày hôm nay chị thấy tình cảm vợ chồng không hợp nhau, không thể gượng ép để duy trì cuộc hôn nhân này. Chị còn trẻ và không chấp nhận chung sống nữa, chị đã trực tiếp trao đổi với anh Nguyễn Kim M qua mạng xã hội về việc ly hôn. Nay chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết ly hôn. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho chị được chấm dứt tình trạng hôn nhân với anh Nguyễn Kim M.

* Về con chung: Chị và anh M có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu Đ sinh ngày 26/01/2016 và cháu Nguyễn Hữu Th sinh ngày 10/12/2017. Hiện nay hai con chung đang được ông bà nội (ông H, bà T) chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị và anh M thoả thuận về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng như sau:

- Giao cho bố các cháu là Nguyễn Kim M nuôi 2 con. Trên thực tế ông H, bà T (ông bà nội các cháu) đứng ra nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng 2 cháu đến khi bố các cháu về nước. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng/tháng) đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung, Về công nợ chung , Về công sức đóng góp cho gia đình chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Kim M hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Kim M.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố mẹ của anh M là ông Nguyễn Trọng H, bà Hoàng Thị T thì ông, bà có quan điểm như sau:

- Chúng tôi là bố mẹ đẻ của anh M có địa chỉ như trên. Hiện nay con tôi đang đi lao động tại nước ngoài không có mặt tại địa phương. Con tôi đang đi lao động tại Hàn Quốc nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình tôi.

- Về địa chỉ của con tôi ở bên nước ngoài thì tôi không biết và không nắm được chính xác nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tòa án yêu cầu gia đình tôi thông báo để anh M gửi quan điểm về cho Tòa án thì chúng tôi từ chối thực hiện.

- Về việc chị Nhung xin ly hôn thì con tôi có trao đổi về với gia đình là:

+ Về quan hệ hôn nhân: Con tôi Minh đồng ý ly hôn với chị Nhung.

+ Về con chung: anh M và chị Nhung có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/01/2016 và cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 10/12/2017. Khi ly hôn thì anh M và chị Nhung thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Kim M nuôi dưỡng hai 02 con chung, chị Nhung cấp dưỡng nuôi 2 con theo mức 1.000.000 đồng/ 1 tháng.

+ Tài sản chung, công nợ chung anh chị không có.

- Chúng tôi đồng ý tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án. Hiện 2 con chung của anh M, chị Nhung đang do chúng tôi chăm sóc nuôi dưỡng. Chúng tôi đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu đến khi bố các cháu về nước. Về mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng do anh chị thỏa thuận chúng tôi đồng ý không có ý kiến gì và tôn trọng thỏa thuận của anh chị.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị Hồng Nh, ông Nguyễn Trọng H, bà Hoàng Thị T xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Nguyễn Kim M vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Lê Thị Hồng Nh được ly hôn anh Nguyễn Kim M. Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/01/2016

và cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 10/12/2017 cho anh Nguyễn Kim M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Lê Thị Hồng Nh tự nguyện dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng/1tháng) đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Tài sản chung, công nợ chung: chị Nhung trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Lê Thị Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Hồng Nh là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Kim M. Bị đơn anh Nguyễn Kim M là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn TS3, xã TD, huyện LG, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 10508/QLXNC-P5 ngày 03/07/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Nguyễn Kim M đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 19/3/2019, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh M. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng Nh, ông Nguyễn Trọng H, bà Hoàng Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Kim M vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Nguyễn Kim M cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Kim M theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Hồng Nh, anh Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Trọng H, bà Hoàng Thị T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Lê Thị Hồng Nh kết hôn với anh Nguyễn Kim M trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/11/2015 tại UBND xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì anh Nguyễn Kim M đi nước ngoài. Do không tìm hiểu kỹ khi kết hôn nên trong cuộc sống vợ chồng gặp quá nhiều trắc trở. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Lê Thị Hồng Nh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Kim M. Thông qua người thân (là bố đẻ) anh Nguyễn Kim M có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Hồng Nh.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Kim M là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Lê Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Kim M mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Lê Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Kim M đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Kim M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Lê Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Kim M đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị Hồng Nh được ly hôn anh Nguyễn Kim M.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Lê Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Kim M có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/01/2016 và cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 10/12/2017. Hiện nay hai con chung của anh chị đang được ông bà nội (ông H, bà T) chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Lê Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Kim M thỏa thuận để anh M được nuôi con chung. Trong thời gian anh M ở nước ngoài các con chung sẽ do ông Nguyễn Trọng H và bà Hoàng Thị T đứng ra chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4.2]. HĐXX thấy: Hiện nay anh M đang lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Hai con chung của anh M, chị Nhung đang ở

ổn định cùng ông bà nội, phát triển khỏe mạnh, bình thường. Bên cạnh đó, ông H, bà T là ông bà nội của các cháu cũng đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh M, chị Nhung trong thời gian anh M lao động ở nước ngoài. Việc ông H, bà T nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu nội cũng phù hợp theo quy định của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị Nhung, anh M và ông H, bà T cần được chấp nhận. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh Nguyễn Kim M được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/01/2016 và cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 10/12/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nhung tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng/1tháng). Xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của chị Nhung, HĐXX thấy cần chấp nhận việc chị Nhung có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo mức cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (tương ứng mỗi con là 500.000 đồng/1tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp đương sự có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì lợi ích mọi mặt của con chung các đương sự có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị Nhung không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau này có tranh chấp các bên có quyền đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Lê Thị Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng Nh được ly hôn anh Nguyễn Kim M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/01/2016 và cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 10/12/2017 cho anh Nguyễn Kim M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị Hồng Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung cho anh Nguyễn Kim M theo mức 1.000.000 đồng/1 tháng (mỗi con 500.000 đồng/1tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468-BLDS tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp đương sự có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì lợi ích mọi mặt của con chung các đương sự có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí do phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000769 ngày 21/7/2020 của Cục thi hành án dân

sự tỉnh Bắc Giang. Chị Lê Thị Hồng Nh còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Kim M hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Lê Thị Hồng Nh, ông Nguyễn Trọng H, bà Hoàng Thị T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã TD, LG;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng